

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non
Năm học 2013 - 2014**

Thực hiện công văn số 5698/BGDĐT- GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2013 - 2014;

Căn cứ kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2013 - 2014, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2013 - 2014 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC

1. Công tác chỉ đạo

Trong năm học 2013 - 2014 Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở GD&ĐT và các Sở, ban ngành đã ban hành kịp thời, đầy đủ các loại văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các lĩnh vực đã giúp các địa phương giải quyết các nhiệm vụ về phát triển giáo dục mầm non đạt kết quả cao cả về số lượng và chất lượng.

2. Triển khai thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; các nội dung của cuộc vận động “ Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “ Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” đã trở thành các hoạt động thường xuyên trong các cơ ở GDMN.

Các cơ sở GDMN đã thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo, tạo điều kiện để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý tăng cường tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đội ngũ nhà giáo tích cực đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của trẻ, hình thành ở trẻ những phẩm chất mạnh dạn, tự tin, thân thiện với mọi người xung quanh, lễ phép trong giao tiếp, ứng xử. Nội dung giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc được chú ý thực hiện thông qua xây dựng môi trường giáo dục và các hoạt động đa dạng khác.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã ủng hộ ngày khai giảng năm học mới (5/9/2013), ngày tết Nguyên Đán cho 124 giáo viên tại 11 huyện, thành phố có hoàn cảnh khó khăn và 24 cháu mầm non lớp giáo dục đặc biệt, mỗi suất từ 300.000đ đến 500.000đ, tổng trị giá các suất quà là 59.200.000đ. Công đoàn giáo dục tỉnh Hòa Bình đã sử dụng quỹ hỗ trợ giáo viên toàn ngành để giúp đỡ cho giáo viên mầm non mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn, hỗ trợ làm nhà ở..... trị

giá 177 triệu đồng. Các huyện, thành phố đã dành số tiền 254,9 triệu đồng và 30 bộ áo dài cho giáo viên, trên 1.000 bộ quần áo cho trẻ em mầm non có hoàn cảnh khó khăn trong dịp tết Nguyên đán.

- Những tấm gương điển hình của cán bộ quản lý và giáo viên đã có nhiều biện pháp chỉ đạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ như: Nhà giáo Nguyễn Thị Dân hiệu trưởng trường mầm non xã Văn Nghĩa huyện Lạc Sơn (xã 135 và công giáo); Nhà giáo ưu tú Quản Mai Thanh, Hiệu trưởng trường mầm non Hoa Mai huyện Đà Bắc nhà giáo Nguyễn Thị Bình trường MN Tân Thịnh B thành phố Hòa Bình; cô giáo Nguyễn Thị Thu Thủy, trường mầm non Sơn ca thành phố Hòa Bình; cô giáo Trương Thị Hưng trường mầm non Hoa Mai huyện Đà Bắc; cô giáo Lê thị Lan trường MN Phú Lão huyện Lạc Thủy; cô giáo Bùi Thị Yêu trường mầm non xã Đú Sáng huyện Kim Bôi....và nhiều cán bộ quản lý, giáo viên khác.

Duy trì việc tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác xây dựng môi trường trong trường mầm non ở các trường mầm non trong tỉnh và ngoài tỉnh. Tổ chức các Hội thi “Bé khỏe măng non”, “Giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe”, “Bé với an toàn giao thông”, “Biển – hải đảo quê hương”...Các huyện tham gia thi tìm hiểu Dinh dưỡng – sức khỏe trên internet đạt tỷ lệ 100% trường tham gia (Thành phố, Tân Lạc), các huyện đạt giải cao (Thành phố, Lạc Thủy, Tân Lạc)

3. Phát triển quy mô, mạng lưới trường, lớp và tăng cường cơ sở VC thiết bị

a) Quy mô trường lớp:

Trong năm học 2013 - 2014, Giáo dục mầm non đã tiếp tục duy trì, phát triển và đạt những kết quả sau:

- Tổng số 268 cơ sở giáo dục mầm non (tăng 26 cơ sở so với năm học trước), trong đó có 226 trường mầm non (gồm 224 trường công lập, 2 trường tư thục) và 8 cơ sở GDMN công lập (giảm 7 cơ sở so với năm học trước), 34 cơ sở tư thục (tăng 24 cơ sở so với năm học trước).

- Tổng số có 2.463 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; trong đó có 787 nhóm trẻ và 1.676 lớp mẫu giáo; riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi là 630 lớp..

So với năm học trước giảm 46 nhóm/lớp, trong đó tăng 10 nhóm trẻ, giảm 56 lớp mẫu giáo.

- Huy động 58.171/91.422 trẻ trong độ tuổi đến trường, đạt tỷ lệ 63,6%.

+ Trẻ tuổi nhà trẻ đến trường 14.924/46.263, đạt 32,3%. Trẻ trong độ tuổi tăng so với năm học trước là 2.614 trẻ.

+ Trẻ tuổi mẫu giáo đến trường 43.247/45.159, đạt tỷ lệ 95,8%; tăng 677 trẻ so với năm học trước. Trẻ trong độ tuổi tăng so với năm học trước 1.165 trẻ.

+ Riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp 13.839/13.871, đạt tỷ lệ 99,8% (tính cả trẻ khuyết tật).

b) Cơ sở vật chất:

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc quy hoạch đất cho các trường mầm non theo hướng trường chuẩn Quốc gia, đồng thời tiếp tục rà soát các trường có nhiều điểm trường để thực hiện việc dồn các điểm trường lẻ phù hợp về khoảng cách và điều kiện của nhân dân địa phương... (Giảm 08 điểm trường so với năm học 2012 – 2013).

Lồng ghép vốn từ các chương trình, dự án và các nguồn thu hợp pháp, đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường/ lớp, từng bước xóa phòng học tạm, phòng học nhờ, đáp ứng cơ bản nhu cầu phòng học cho GDMN, đảm bảo đủ phòng học cho trẻ 5 tuổi.

Tổng số phòng học 2.463 phòng/ 2.463 nhóm/lớp; trong đó Phòng học kiên cố 1.577, tỷ lệ 64,1%; Phòng bán kiên cố 591, tỷ lệ 24,0%; Phòng học nhờ, học tạm 295, tỷ lệ 11,9%. Các huyện, thành phố có tỷ lệ phòng kiên cố cao: Cao Phong 96,1%, Lạc Thủy 85,7%, Kỳ Sơn 83,%, Mai Châu 81,9%; tỷ lệ phòng học tạm, học nhờ thấp: Cao Phong 3,9%, Thành phố 2,8%, Kỳ Sơn 6,1%, Lạc Thủy 8,3%.

Nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại các cơ sở GDMN, các đơn vị đã chú trọng xây dựng công trình vệ sinh, nguồn nước sạch, bếp ăn ...đúng quy định. Đến nay, đã có 518 bếp ăn, trong đó 250 đạt yêu cầu, tỷ lệ 48,3%; 1.061 công trình vệ sinh trên tổng số 866 điểm trường, trong đó 754 công trình vệ sinh đạt yêu cầu, tỷ lệ 87,1% (xây mới 33 công trình). Có 418/764 sân có đồ chơi ngoài trời, tỷ lệ 54,71%.

c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi:

Nhiều huyện, thành phố đã thực hiện hiệu quả công tác trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học. Rà soát hàng năm để có kế hoạch và thực hiện mua sắm, sửa chữa, quản lý đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học hiệu quả. Phối hợp các nguồn lực trong việc mua sắm thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tránh lãng phí: Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương, xã hội hóa.

Theo thống kê các phòng giáo dục và đào tạo, toàn tỉnh có 1586/2463 nhóm, lớp đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu, tỷ lệ 64,4%. Riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi có 630/630 lớp, tỷ lệ 100%;

d) Xây dựng trường chuẩn quốc gia:

Các đơn vị đã tập trung chỉ đạo, đầu tư xây dựng phát triển số lượng và nâng cao chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

Năm học 2013-2014, toàn tỉnh có thêm 12 trường MN đạt chuẩn quốc gia (các huyện: Đà Bắc, Kim Bôi, Lạc Sơn, Thành phố công nhận mới 2 trường; các huyện Cao Phong, Kỳ Sơn, Lương Sơn, Mai Châu công nhận mới 1 trường), trong đó có 2 trường mầm non đạt chuẩn mức độ II (Tân Thịnh B, thành phố Hòa Bình và Hoa Mai huyện Đà Bắc); công nhận lại 4 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I (Thành phố 2 trường, Mai Châu 1 trường và Cao Phong 1 trường). Tính đến thời điểm tháng 6/2014, toàn tỉnh có 48 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 21,2%. Các huyện có nhiều trường chuẩn quốc gia:

Thành phố 60%, trong đó có 1 trường chuẩn mức độ 2; Kỳ Sơn 36,4%; Cao Phong 28,6%; Lạc Thủy 25%

Nguồn vốn, nguồn nhân lực đầu tư cho xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt ở mức độ cao.

4. Thực hiện công tác PCGDMNTENT

Các huyện, thành phố đã tích cực tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với ban ngành, đoàn thể tập trung chỉ đạo đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập, xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên và chính sách hỗ trợ trẻ em mẫu giáo, đảm bảo phổ cập có chất lượng, đúng kế hoạch. Các huyện, thành phố có nhiều biện pháp năng động, sáng tạo trong triển khai phổ cập GDMNTNT: Thành phố, Mai Châu, Kỳ Sơn, Lạc Thủy, Đà Bắc.

Theo báo cáo của các huyện, thành phố tính đến thời điểm tháng 5/2014, công tác PCGDMNTENT đã đạt kế hoạch đề ra (*210/210 các xã, phường, thị trấn đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn PCGDMNTENT, đạt tỷ lệ 100%*). Dự kiến tháng 10-11/2014 sẽ kiểm tra công nhận cấp huyện và cấp tỉnh.

5. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

a) Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc bảo vệ sức khỏe

Trẻ em trong các cơ sở GDMN được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần. Các đơn vị đã chú trọng đến số trẻ được ăn tại trường, quản lý và nâng cao chất lượng bữa ăn của trẻ ở những nơi có tổ chức ăn bán trú, đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng theo quy định, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có chuyển biến tích cực.

Tiếp tục chỉ đạo các nhà trường xây dựng vườn rau sạch, đảm bảo nguồn thực phẩm sạch cho trẻ hàng ngày, không để xảy ra tình trạng mất vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thay thế dần bếp than, bếp củi bằng bếp ga nhằm tiết kiệm thực phẩm và đảm bảo vệ sinh trong chế biến ăn cho trẻ.

Trẻ được ăn tại trường bằng mọi hình thức là 56.528 trẻ, đạt tỷ lệ 97,6%, trong đó nhà trẻ 98,4%, mẫu giáo 96,8% (*so với năm học trước nhà trẻ tăng 5,6%, mẫu giáo 4,5%*). Riêng trẻ được nấu ăn tại trường 51.915 trẻ, tỷ lệ 89,2% (*nhà trẻ 82,3%, mẫu giáo 91,6%*) tăng so với năm học trước 4,7% trẻ nhà trẻ và 3,9% trẻ mẫu giáo.

Trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân tuổi nhà trẻ 806 trẻ, tỷ lệ 5,4% (*giảm 3,9% so với đầu năm*); tuổi mẫu giáo 2.366 trẻ, tỷ lệ 5,5% (*giảm 3,3% so với đầu năm*).

Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi tuổi nhà trẻ 791 trẻ, tỷ lệ 5,3% (*giảm 2,6% so với đầu năm*); tuổi mẫu giáo 2.421 trẻ, tỷ lệ 5,6% (*giảm 2,1% so với đầu năm*).

b) Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non

Các huyện, thành phố đã có nhiều biện pháp quản lý chỉ đạo thực hiện chương trình GDMN sáng tạo và đạt hiệu quả; đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ; chủ động lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch giáo dục đảm bảo phù hợp khả năng của trẻ và thực tế trường, lớp.

Sau 3 năm triển khai đại trà chương trình GDMN, toàn tỉnh đã tập trung vào việc xây dựng môi trường học tập, kỹ năng cần cung cấp cho trẻ, lựa chọn nội dung đảm bảo mục tiêu và phù hợp địa phương. Đưa nội dung chuyên đề “Phát triển vận động” vào kế hoạch năm học, trong đó quy định tổ chức thi “Bé khỏe măng non” các cấp để đánh giá quá trình thực hiện chương trình trước khi triển khai chuyên đề, giúp định hướng cho xây dựng kế hoạch triển khai chuyên đề những năm tiếp theo đạt kết quả. Tổ chức các hội thi để đánh giá kết quả triển khai chương trình.

Tăng cường giao lưu trao đổi, học tập, chia sẻ kinh nghiệm giữa các trường, các vùng trong tỉnh, các tỉnh bạn. Tăng cường các hoạt động thực hành trong các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên.

100% các cơ sở giáo dục mầm non đưa Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi vào mục tiêu thực hiện chủ đề. 100% trẻ được đánh giá đạt yêu cầu theo bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

Tổ chức hội thi các cấp để đo đầu vào trước khi triển khai chuyên đề Phát triển vận động. Hội thi cấp tỉnh đã có 12 đội với 115 trẻ đại diện tham gia, kết quả: 2 giải Nhất (*Lạc Thủy, Thành Phố 1*); 04 giải Nhì (*Kỳ Sơn, Lạc Sơn, Thành phố 2, Lương Sơn*); 06 giải Ba (*Lạc Sơn, Cao Phong, Kim Bôi, Tân Lạc, Đà Bắc, Yên Thủy, Mai Châu*); nhiều giải phụ khác cũng đã được Ban tổ chức trao cho các tập thể và cá nhân.

Tổ chức một số hội thi để đánh giá kết quả thực hiện các chuyên đề trong năm học “Bé với sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả”; “Bảo vệ môi trường, biển, hải đảo”; tham gia thi trên Internet “Bé với dinh dưỡng – sức khỏe” trong đó 7 giải nhất, 7 giải nhì, 9 giải 3 cấp huyện và 1 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải 3 cấp tỉnh.

c) Công tác Kiểm định chất lượng trường mầm non

Hoạt động kiểm định chất lượng đã có tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng giáo dục. Tính đến thời điểm 31/5/2014 đã có 226/226 trường mầm non hoàn thành công tác tự đánh giá, đạt 100%. Kết quả 51 trường đạt cấp độ 2, tỷ lệ 22,7%; 74 trường đạt cấp độ 1, tỷ lệ 32,7%; 101 trường không đạt, tỷ lệ 44,7%. Có 12/226 trường hoàn thành công tác đánh giá ngoài và đều đạt cấp độ 2, đạt tỷ lệ 5,3%.

6. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và giáo viên

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non tăng về số lượng, từng bước được nâng cao về chất lượng. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực tham mưu việc thực hiện chế độ chính sách về đào tạo, tuyển dụng giáo viên, nhân viên trong các cơ sở GDMN. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo đội ngũ giáo

viên mầm non, chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non, bồi dưỡng công tác phổ cập GDMNTNT.

Tổng số cán bộ quản lý (bao gồm cả Tổ trưởng các cơ sở giáo dục mầm non công lập chưa thành lập trường và chủ cơ sở GDMN Tư thục), giáo viên và nhân viên trong các cơ sở GDMN là 6.880 người. Trong đó Biên chế 5.364 người, đạt 78%; hợp đồng ngắn hạn 1.516 người, chiếm 22%. Trình độ Đạt chuẩn trở lên 6.321 người, đạt 91,9% (trong đó trên chuẩn 2.753 người, đạt 40%); chưa đạt chuẩn 559 người, chiếm 8,1%. Trong đó chia ra:

- Cán bộ quản lý: 721 người (biên chế 680 người, hợp đồng 41 người). Trình độ đạt chuẩn trở lên 710 người, đạt 98,5% (trong đó trên chuẩn 549 người, đạt 76%); trình độ chưa đạt chuẩn 11 người, chiếm 1,5% (Trình độ Sơ cấp trong các cơ sở GDMN Tư thục).

- Giáo viên: 4.985 người (biên chế 4.494 người, hợp đồng 491 người). Trình độ đạt chuẩn trở lên: 4.805 người, đạt 96,4%; Chưa đạt chuẩn 180 người, chiếm 3,6% (Trình độ sơ cấp trong các cơ sở mầm non tư thục).

- Nhân viên: 1.174 người (biên chế 190 người, hợp đồng 984 người). Trình độ đạt chuẩn trở lên 806 người, đạt 68,7%; chưa đạt chuẩn 368 người, chiếm 31,3%.

Các huyện có tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn cao Yên Thủy 90,2% quản lý và 64,4% giáo viên; Đà Bắc 87,5% quản lý; Lạc Thủy 55,3% giáo viên; Cao Phong 53,7% giáo viên. Tỷ lệ giáo viên 2,03/nhóm, lớp.

Tổ chức thành công Hội thi Giáo viên mầm non dạy giỏi các cấp: cấp tỉnh có 75/77 giáo viên tham gia dự thi được công nhận là giáo viên MN dạy giỏi, gồm 03 giải Nhất, 06 giải Nhì, 11 giải Ba và 13 giải Khuyến khích. Cử 3 giáo viên tham gia liên hoan giáo viên dạy giỏi toàn quốc.

Sở giáo dục và đào tạo tổ chức 30 lớp cho 1.001 lượt cán bộ quản lý và 745 lượt giáo viên dự tập huấn. Phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thành phố tổ chức tập huấn cho 1.670 lượt cán bộ quản lý và 4.378 lượt giáo viên. 100% trường mầm non đã tổ chức tập huấn cho 100% CBQL và giáo viên của đơn vị với tổng số là 11.436 lượt người dự.

7. Đổi mới công tác quản lý

a). Quản lý các cơ ở GDMN ngoài công lập:

Công tác quản lý các cơ sở GDMN ngoài công lập được quan tâm, chỉ đạo. Đã có nhiều biện pháp tích cực để quản lý các cơ sở này: giao cho trường MN nơi cơ sở đóng chân quản lý về nội dung chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, các Phòng Giáo dục và Đào tạo đã kiểm tra thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành kiểm tra đột xuất các cơ sở ngoài công lập.

Phòng GD&ĐT, kết hợp với xã, phường trong việc kiểm tra cấp phép hoặc dừng hoạt động của cơ sở khi không đủ điều kiện thành lập.

b) Công tác thanh tra, kiểm tra:

Trong năm học Sở GD&ĐT đã tổ chức thanh tra, kiểm tra 24 trường mầm non; kiểm tra chuyên đề 25% số huyện, thành phố, trường và giáo viên mầm non. Thanh tra Sở đã kết luận 100% các đơn vị, trường học không có đơn vị, trường học phải xử lý vi phạm.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra lần hai về thực hiện kết luận của đoàn thanh tra, kiểm tra lần 1 là giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ sở GDMN, đem lại hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đặc biệt đối với cơ sở GDMN ngoài công lập.

Công tác đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên theo chuẩn gắn liền với việc đánh giá chất lượng thực hiện các nhiệm vụ được giao cho nhà trường, cho cá nhân, nhằm tránh việc nể nang trong đánh giá, chạy theo thành tích.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ

Các phòng GD&ĐT, các cơ sở GDMN đã tăng cường trang bị máy vi tính, bồi dưỡng cán bộ để sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý, thống kê, báo cáo, sử dụng phần mềm quản lý trường mầm non, ứng dụng phần mềm phổ cập GDMNTENT. Do đó, trao đổi văn bản hành chính điện tử, ứng dụng CNTT vào quản lý văn bản, quản lý hành chính đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo định kỳ tường đối kịp thời, chất lượng. Năm học 2013-2014 đã có 226 trường nối mạng Internet, đạt tỷ lệ 100%.

Trình độ tin học và khả năng ứng dụng CNTT của GVMN được nâng lên, nhiều giáo viên đã tích cực sử dụng chương trình Kidsmart và khai thác tài nguyên trên Internet để áp dụng vào việc lập kế hoạch giáo dục phù hợp và hiệu quả. Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên biết ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ tăng so với cùng kỳ năm trước: CBQL 100%, giáo viên 3206/4985 người, đạt 64,3%, tăng so với năm học trước tăng 54 cán bộ quản lý, 596 giáo viên. Số máy tính tăng nhanh, toàn tỉnh có 1093 chiếc, (tăng 350 chiếc so với năm học 2012-2013).

9. Công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non

Nhiều đơn vị đã có các giải pháp và vận dụng linh hoạt lồng ghép các nội dung tuyên truyền bằng nhiều hình thức: thông qua chuyên mục dành cho giáo dục tại truyền hình tỉnh, huyện; thông qua hệ thống loa phát thanh tại thôn, xóm, bản; thông qua các hội thi, giao lưu văn hóa, Website của ngành ...nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về giáo dục mầm non và thu hút nguồn lực thực hiện chương trình giáo dục mầm non, thực hiện phổ cập và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Từ đó đã làm thay đổi mạnh nhận thức cũng như hành động của mọi người về GDMN, thu hút thêm nguồn lực để đầu tư xây dựng

trường chuẩn quốc gia, thực hiện phổ cập giáo dục, mua sắm đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi đảm bảo thực hiện chương trình GDMN: Chương trình do Childfun tài trợ các huyện Kỳ Sơn, Cao Phong, Kim Bôi; Dự án phát triển vùng đối với các huyện Lạc Sơn, Yên Thủy, Lạc Thủy; Dự án của Hội liên hiệp phụ nữ, Hội chữ thập đỏ tại Phúc Tuy, Phú Lương huyện Lạc Sơn.

10. Thực hiện công bằng trong giáo dục mầm non

Sở GD&ĐT tiếp tục thực hiện “Năm giáo dục vùng khó khăn”, đã duy trì, tập trung cho các trường mầm non thuộc vùng khó khăn: Tập trung nguồn lực đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị ...; tổ chức giúp đỡ chuyên môn cho các nhà trường; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn tại các trường vùng khó khăn...

Công tác Giáo dục dân tộc, giáo dục trẻ khuyết tật hòa nhập tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Toàn tỉnh 287/343 trẻ trẻ trong độ tuổi được hòa nhập, tỷ lệ 83,7%; Riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi 106/111 trẻ, đạt tỷ lệ 95,5%. 100% giáo viên dạy trẻ khuyết tật đều xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật học hòa nhập đảm bảo hỗ trợ, giúp đỡ trẻ có khả năng hòa nhập tốt nhất với tập thể.

Trẻ em dân tộc được đến trường, được hưởng đủ chế độ chính sách quy định, được tăng cường tiếng Việt trước khi đi học lớp 1. Kết quả trẻ em dân tộc từ 0-2 tuổi đi học 11.095/36.599 trẻ, đạt 31,4%; trẻ mẫu giáo dân tộc ra lớp 32.894/34.300 trẻ, đạt 95,9%.

Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc. Quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên người dân tộc phát triển cả số lượng và chất lượng. Tổ chức bồi dưỡng theo cụm trường cho 12 lớp với 600 cán bộ quản lý, giáo viên (*thuộc các huyện: Đà Bắc, Tân Lạc, Mai Châu, Lạc Sơn, Lương Sơn, Kim Bôi*) về việc thực hiện chương trình GDMN cho trẻ dân tộc thiểu số.

Các phòng GD&ĐT cử CBQL, GV vùng thuận lợi vào công tác tại vùng khó khăn nhằm gây dựng phong trào, nâng cao chất lượng nhà trường. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, trong tổng số 48 trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia, có 03 trường thuộc vùng khó khăn. Tổ chức kết nghĩa giữa trường thuận lợi với các trường vùng khó khăn nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý, công tác chăm sóc giáo dục trẻ, tặng quà, hỗ trợ tài liệu sách và hướng dẫn làm đồ dùng đồ chơi, trang trí nhóm lớp...

Đội ngũ nhà giáo trong các cơ sở GDMN công lập trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước và được hưởng mọi chính sách như giáo viên trong biên chế từ 01/01/2012.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả

a) Quy mô trường, lớp được mở rộng rộng khắp các thôn bản và cân đối giữa các vùng trong tỉnh, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo cao. Tăng 24 cơ sở GDMN so với năm học trước.

b) Các đơn vị ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng thêm phòng học, đảm bảo đủ phòng học cho trẻ 5 tuổi, đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMNTENT, tỷ lệ phòng học kiên cố, trường đạt chuẩn quốc gia tăng, số trẻ huy động đến trường tăng. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các công trình phụ trợ vùng khó khăn được quan tâm đầu tư đã đưa chất lượng giáo dục mầm non chuyển biến đi lên.

c) Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ có nhiều chuyển biến rõ rệt, tỷ lệ trẻ ăn bán trú tăng, tỷ lệ suy dinh dưỡng giảm. Sau 3 năm học (2011-2012 đến 2013-2014) thực hiện chương trình GDMN đã đi vào nề nếp, đảm bảo yêu cầu giáo dục kỹ năng sống, khám phá kiến thức cho trẻ, đặc biệt việc đưa các chỉ số phát triển trẻ 5 tuổi vào mục tiêu chương trình đã thực hiện đúng định hướng chỉ đạo của Bộ GDĐT; các đơn vị đã tổ chức giao lưu học hỏi kinh nghiệm tại nhiều đơn vị trong và ngoài tỉnh để bồi dưỡng thêm kinh nghiệm cho thực hiện chương trình tại đơn vị mình.

Khả năng sử dụng tiếng Việt và các kỹ năng chuẩn bị cho trẻ đi học lớp 1 đã đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

d) Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tăng về số lượng và chuyển biến tích cực về chất lượng (số CBQL, GV trên chuẩn tăng 691 người). Chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non được đảm bảo. Từ năm 2012 đã thực hiện trả lương cho giáo viên hợp đồng theo bảng cấp, trả phụ cấp đúng lớp và tăng lương theo quy định.

e) Các chính sách đối với trẻ em được thực hiện kịp thời, nhiều địa phương đã chủ động thực hiện hỗ trợ thêm chăn, quần áo, tiền ăn..đối với trẻ góp phần tăng tỷ lệ huy động, đặc biệt là huy động trẻ bán trú, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Những khó khăn, hạn chế

a) Tỷ lệ huy động trẻ đến trường chung toàn tỉnh giảm 2,2% (nhà trẻ giảm 3,1 %, mẫu giáo giảm 1,2%) Các huyện giảm số trẻ nhà trẻ: Đà Bắc, Kỳ Sơn, Yên Thủy; Các huyện giảm số trẻ mẫu giáo: Cao Phong, Lạc Thủy, Thành phố.

Lớp mẫu giáo giảm (46 lớp), mẫu giáo 5 tuổi riêng lẻ giảm 27 lớp, tăng lớp 5 tuổi ghép đã ảnh hưởng chất lượng chăm sóc giáo dục đối với mẫu giáo 5 tuổi. Một số đơn vị chưa vận dụng linh hoạt điều lệ trường mầm non trong việc định biên trẻ trong lớp, nên đã làm tăng thêm lớp ghép độ tuổi

b) Năng lực của đội ngũ CBQL, giáo viên chưa đồng đều, nhiều nơi còn thiếu giáo viên và nhân viên. Một số cán bộ quản lý chưa tập trung lãnh đạo, thực hiện công tác chuyên môn; một số giáo viên còn hạn chế trong việc thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, đặc biệt là thực hiện chương trình GDMN.

c) Một số cơ sở GDMN đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ chưa đảm bảo độ tin cậy: trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi gộp chung. Tỷ lệ trẻ ăn tại trường hạn chế; chất lượng bữa ăn chưa được quan tâm đúng mức. Còn có đơn vị thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ 1 buổi/ngày trái với quy định của chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành.

d) Cơ sở vật chất và trang thiết bị cho GDMN dù đã được quan tâm đầu tư tuy nhiên vẫn còn thiếu nhiều, đặc biệt đối với các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo 3, 4 tuổi. Một số trường mầm non sử dụng các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi được trang bị chưa hiệu quả. Việc sử dụng đồ dùng, đồ chơi ngoài trời bằng nguyên liệu sẵn có còn nhiều hạn chế.

Tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia và công nhận lại các trường đã đạt chuẩn quốc gia đủ niên hạn tiến hành chậm.

Nhiều trường mầm non chưa quan tâm đến xây dựng trường học xanh-sạch-đẹp-an toàn (hàng rào, cổng, biên trường, cây xanh...).

đ) Công tác phổ cập GDMNTENT ở một số đơn vị có chiều hướng hạn chế sự quan tâm, đầu tư: tăng lớp ghép 5 tuổi, chưa bổ sung kịp thời theo quy định tối thiểu số đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học thiếu do hư hỏng.

e) Hiệu quả kiểm tra chưa cao; đánh giá chất lượng chưa có độ tin cậy, còn nể nang, né tránh và xếp loại chưa tương xứng với thực tế.

f) Công tác tuyên truyền một số đơn vị chưa quan tâm đúng mức, hiệu quả thấp. Một số đơn vị thông tin báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo còn chậm về thời gian và chưa chính xác về số liệu.

g) Kinh phí chi thường xuyên cho GDMN hạn chế, việc bố trí giáo viên, nhân viên còn chậm.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

1. Với UBND tỉnh, huyện và các ban ngành trong tỉnh:

- Tiếp tục phân bổ chỉ tiêu và tuyển dụng giáo viên, nhân viên đủ về số lượng. Đặc biệt là bố trí tỷ lệ giáo viên dự để thay thế giáo viên, nhân viên nghỉ thai sản, ốm đau. Vì GDMN không bố trí dạy bù, dạy thay và tính tăng giờ như các bậc học khác.

- Bố trí kinh phí chi thường xuyên cần tính cả giáo viên hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế, để đảm bảo chi cho các hoạt động dạy, học, chăm sóc trẻ trong các cơ sở GDMN.

- Tiếp tục đầu tư thêm cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi. Đặc biệt là đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với ngành Giáo dục để khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, giáo viên và trẻ theo quy định; đặc biệt khám sức khỏe cho trẻ mầm non miễn phí theo quy định về bảo hiểm y tế.

2. Với Bộ GD&ĐT:

- Đảm bảo công bằng đối với mọi đối tượng trẻ thuộc diện chính sách như: miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chế độ, chính sách khác cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo; Phối hợp các ngành để ban hành thông tư liên ngành về khám sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ tại các cơ sở GDMN.

- Tham mưu ban hành các văn bản nhằm đảm bảo chế độ ưu đãi đối với giáo viên thực hiện nhiệm vụ mang tính đặc thù như: giáo viên dạy lớp ghép, giáo viên dạy trẻ khuyết tật...

- Ban hành văn bản hướng dẫn về việc Bồi dưỡng các modul theo đề án “Tăng cường khả năng sẵn sàng đi học cho trẻ” để các tỉnh chủ động tham mưu về kinh phí chi thường xuyên cho nội dung này. Tăng cường đầu tư kinh phí cho giáo dục mầm non.

- Ban hành văn bản thay thế Thông tư số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 của liên Bộ GD&ĐT- Bộ Nội vụ Hướng dẫn định mức biên chế trong các cơ sở GDMN công lập phù hợp với Thông tư số 48/TT-BGD&ĐT ngày 25/10/2011 Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non và một số văn bản mới ban hành khác.

- Có hướng dẫn cụ thể về công tác tài chính liên quan đến phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

- Bổ sung đối tượng giáo viên trong các cơ sở GDMN dạy Âm nhạc, thể chất, tin học.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Mầm non tỉnh Hòa Bình năm học 2013 - 2014./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website ngành;
- Lưu VT, MN(TTB-15)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Thị Hương